TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hà Nội, tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đệ trình Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch	
Ông Vũ Hải Vĩnh	Uỷ viên	
Bà Đỗ Thị Thuý Hương	Uỷ viên	
Ông Lưu Hoàng Long	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Tùng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 09/12/2014)
Ông Nguyễn Hồng Hiển	Uỷ viên	(Bãi nhiệm ngày 09/12/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0100103351 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Lưu Hoàng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 222 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05/06/2015, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được thay thế cho báo cáo kiểm toán số 141/VACO/BCKT.NV2 ngày 28/03/2015 do đến thời điểm phát hành báo cáo này Tổng Công ty đã thu thập được báo cáo tài chính của các công ty mà Tổng Công ty đã đầu tư vốn, Tổng Công ty đã xem xét trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn này. Tổng Công ty cũng đã xem xét lại khả năng thu hồi đối với khoản cho Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp vay và quyết định không phải trích lập dự phòng khoản cho vay này. Theo đó, trên bảng cân đối kế toán, khoản mục dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng 13.927.700.774 đồng, khoản dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 4.705.193.832 đồng, khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 9.222.506.942 đồng và lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh giảm 9.222.506.942 đồng.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1450-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**345.311.473.647**	**299.654.818.875**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**122.435.938.453**	**104.801.609.308**
1.Tiền	111		11.102.044.015	4.561.609.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.333.894.438	100.240.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**61.758.234.309**	**72.889.770.052**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		61.758.234.309	72.889.770.052
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**154.327.211.088**	**119.344.503.485**
1. Phải thu khách hàng	131	7	131.090.022.044	76.725.964.697
2. Trả trước cho người bán	132	8	8.430.950.980	11.167.197.064
3. Các khoản phải thu khác	135	9	26.325.481.637	42.970.585.297
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(11.519.243.573)	(11.519.243.573)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**486.954.045**	**1.638.187.145**
1. Hàng tồn kho	141		486.954.045	1.638.187.145
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.303.135.752**	**980.748.885**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		584.812.624	426.056.796
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.121.161.033	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		27.141.216	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	2.570.020.879	554.692.089
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	**200**		**388.175.954.013**	**388.252.331.251**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**149.637.000**	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		149.637.000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**60.980.181.741**	**27.725.933.686**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	38.055.181.555	5.047.468.417
- Nguyên giá	*222*		*50.042.635.661*	*19.107.734.790*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(11.987.454.106)*	*(14.060.266.373)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	17.806.640.003	17.928.841.269
- Nguyên giá	*228*		*18.109.230.400*	*18.213.266.400*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(302.590.397)*	*(284.425.131)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	5.118.360.183	4.749.624.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**16**	**325.873.577.459**	**359.542.997.569**
1. Đầu tư vào công ty con	251		313.730.600.000	313.730.600.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.487.495.137	36.299.695.137
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.151.000.000	10.151.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(34.495.517.678)	(638.297.568)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.172.557.813**	**983.399.996**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.172.557.813	951.850.196
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	31.549.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**733.487.427.660**	**687.907.150.126**

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**167.910.600.587**	**135.247.105.190**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**165.191.763.087**	**131.261.288.690**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	48.161.814.107	43.253.824.797
2. Phải trả người bán	312	18	69.559.315.148	40.068.685.241
3. Người mua trả tiền trước	313	19	6.911.721.719	6.331.914.059
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	2.079.896.704	2.344.389.522
5. Phải trả người lao động	315		816.610.820	1.137.767.715
6. Chi phí phải trả	316		504.194.334	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	35.168.361.268	37.123.563.119
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.989.848.987	1.001.144.237
II. Nợ dài hạn	**330**		**2.718.837.500**	**3.985.816.500**
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	22	2.718.837.500	3.985.816.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**565.576.827.073**	**552.660.044.936**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**565.576.827.073**	**552.660.044.936**
1. Vốn điều lệ	411		438.000.000.000	438.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		19.609.584.594	17.419.584.594
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.310.012.198	8.120.012.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		97.657.230.281	89.120.448.144
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**733.487.427.660**	**687.907.150.126**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	2.940,44	2.940,44
- EUR	9.571,08	9.571,08

Lưu Hoàng Long	**Nguyễn Trung Dũng**	**Vũ Văn Tuân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**139.212.257.671**	**47.149.232.723**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**	**24**	**139.212.257.671**	**47.149.232.723**
3. Giá vốn hàng bán	11	25	132.042.105.544	39.652.207.079
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**7.170.152.127**	**7.497.025.644**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	80.499.472.769	65.214.491.489
6. Chi phí tài chính	22	28	33.671.933.635	12.424.910.352
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*254.160.768*	*1.262.242.796*
7. Chi phí bán hàng	24		525.188.705	539.968.330
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.083.137.129	22.204.372.906
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	**30**		**31.389.365.427**	**37.542.265.545**
10. Thu nhập khác	31		5.853.380.309	5.840.531.392
11. Chi phí khác	32		5.778.413.799	5.453.393.928
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**29**	**74.966.510**	**387.137.464**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**31.464.331.937**	**37.929.403.009**
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	2.143.057.264
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		31.549.800	56.338.929
15. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**31.432.782.137**	**35.730.006.816**

M.S.D.N: 0100103351 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Lưu Hoàng Long	**Nguyễn Trung Dũng**	**Vũ Văn Tuân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	97.948.021.301	66.129.764.997
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(90.083.451.765)	(41.349.631.758)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(12.436.159.548)	(12.112.177.082)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(254.160.768)	(1.264.192.600)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(2.216.557.063)	(1.382.261.098)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	33.264.982.980	39.549.223.095
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(37.881.740.108)	(52.428.712.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(11.659.064.971)***	***(2.857.987.103)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(34.433.421.655)	(145.958.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	13.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua sắm công cụ nợ của đơn vị khác	23	(47.435.779.132)	(71.985.176.636)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	58.567.314.875	114.714.869.070
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(187.800.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	3.012.600.918
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.956.301.369	37.467.954.322
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***49.466.615.457***	***83.077.589.674***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	61.419.928.134	67.209.035.214
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(66.327.917.444)	(90.063.665.437)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.245.607.890)	(40.337.473.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(20.153.597.200)***	***(63.192.103.635)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**17.653.953.286**	**17.027.498.936**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**104.801.609.308**	**87.723.617.540**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.624.141)	50.492.832
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**122.435.938.453**	**104.801.609.308**

M.S.D.N: 0100103351 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Q. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Lưu Hoàng Long	**Nguyễn Trung Dũng**	**Vũ Văn Tuân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116 QD/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QD-BCN ngày 14/9/2006 và Quyết định số 05/QD-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 438.000.000.000 đồng.

Các cổ đông sáng lập của Tổng Công ty gồm:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	**43.800.000**	**100,00%**

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là 149 người (tại ngày 31/12/2013 là 156 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng ;
- Sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện, chi tiết, vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Và các ngành nghề kinh doanh khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và các khoản cho vay có thời hạn từ 3 đến 12 tháng.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm máy tính khấu hao từ 3 đến 5 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Một số khoản công nợ phải thu có gốc ngoại tệ chưa thực hiện đánh giá chênh lệch tỷ giá theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, do Tổng Công ty sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng bằng tiền Việt Nam Đồng theo tỷ giá thực tế tại ngày xuất hóa đơn và khách hàng thanh toán cho Tổng Công ty theo đúng số tiền VND trên hóa đơn giá trị gia tăng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế của năm 2014 là 25.324.965.303 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Tổng Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	452.418.463	407.088.589
Tiền gửi ngân hàng	10.649.625.552	4.154.520.719
Các khoản tương đương tiền	111.333.894.438	100.240.000.000
	122.435.938.453	**104.801.609.308**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư ngắn hạn	**61.758.234.309**	**72.889.770.052**
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng	1.093.248.000	5.800.000.000
Các khoản cho vay (i)	60.664.986.309	67.089.770.052
Công ty CP Viettronics Đống Đa	-	*16.329.993.435*
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	*21.279.631.582*	*21.149.497.187*
Công ty CP Công trình Viettronics	*6.506.823.595*	*7.774.279.430*
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	*32.878.531.132*	*21.836.000.000*
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
	61.758.234.309	**72.889.770.052**

Ghi chú: (i) Đầu tư ngắn hạn là các khoản cho vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm đến 13%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	42.414.887.520	-
Công ty Cổ phần thuỷ điện Bắc Hà	30.752.014.940	34.048.776.074
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	24.248.779.770	-
Công ty Truyền tải Điện 1	7.271.125.157	-
Ban Quản lý Dự án thuỷ điện 7	6.273.067.175	-
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	4.001.950.500	-
Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	3.784.388.000	6.308.434.000
Tổng Công ty xây dựng số 1	3.682.184.611	23.625.708.342
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV TM đầu tư phát triển đô thị	2.653.678.000	2.653.678.000
Ban Quản lý Dự án nhà máy thuỷ điện Sơn La	1.346.049.060	2.927.668.820
Công ty CP Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.861.897.311	1.861.897.311
Ban Quản lý Dự án Các công trình Điện Miền Nam	-	2.232.000.133
Ban Quản lý Dự án thuỷ điện 7	-	-
Các đối tượng khác	-	267.802.017
	131.090.022.044	**76.725.964.697**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	4.854.351.000
Công ty TNHH Việt Phát Thăng Long	2.642.711.500	-
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	-	2.599.399.064
Công ty CP truyền thông kết nối điểm	-	3.447.897.000
Các đối tượng khác	933.888.480	265.550.000
	8.430.950.980	**11.167.197.064**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 (Trình bày lại) VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.165.274.174	1.095.274.174
Các khoản phải thu khác	22.121.577.463	38.836.681.123
- Công ty CP Viettronics Công nghiệp	*6.792.623.293*	*25.448.855.274*
- Công ty CP Viettronics Tân Bình	*6.409.316.550*	*6.409.316.550*
- Công ty CP Công nghệ Thông tin GENPACIFIC	*5.896.120.557*	*3.051.097.223*
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	*2.107.997.573*	*2.107.997.573*
- Công ty CP Điện tử Biên Hoà	*309.051.054*	*494.551.054*
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	*231.346.388*	*231.346.388*
- Công ty CP Viettronics Đống Đa	*112.360.000*	*671.208.665*
- Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	*18.480.000*	*18.480.000*
- Công ty CP Điện tử Hải Phòng	*63.350.000*	*63.350.000*
- Công ty CP Công trình Viettronics	*81.745.338*	*81.745.338*
- Đối tượng khác	*99.186.710*	*258.733.058*
Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	2.694.230.000
Công trình quận 12	344.400.000	344.400.000
	26.325.481.637	**42.970.585.297**

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	(3.031.346.388)	(3.031.346.388)
Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	(6.962.348.573)	(6.962.348.573)
Công ty CP CN Thông tin Genpacific - phải thu lãi vay	(1.525.548.612)	(1.525.548.612)
	(11.519.243.573)	**(11.519.243.573)**

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	01/01/2014 (Trình bày lại) VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	432.834.045	303.835.000
Hàng hóa	54.120.000	1.334.352.145
Giá gốc hàng tồn kho	**486.954.045**	**1.638.187.145**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**486.954.045**	**1.638.187.145**

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	2.356.567.049	320.378.749
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	213.453.830	234.313.340
	2.570.020.879	**554.692.089**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	**10.545.625.107**	**4.704.789.618**	**3.258.326.269**	**598.993.796**	**19.107.734.790**
Mua trong kỳ	31.725.484.545	2.213.440.000	33.851.400	-	33.972.775.945
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.523.664)	-	(55.523.664)
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận (i)	(101.629.742)	-	(2.566.436.778)	(314.284.890)	(2.982.351.410)
Tại ngày 31/12/2014	**42.169.479.910**	**6.918.229.618**	**670.217.227**	**284.708.906**	**50.042.635.661**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	**5.954.389.877**	**4.522.966.574**	**3.132.623.959**	**450.285.963**	**14.060.266.373**
Khấu hao trong năm	518.832.858	304.791.929	125.247.200	-	948.871.987
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55.523.664)	-	(55.523.664)
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận (i)	(92.908.122)	-	(2.558.967.578)	(314.284.890)	(2.966.160.590)
Tại ngày 31/12/2014	**6.380.314.613**	**4.827.758.503**	**643.379.917**	**136.001.073**	**11.987.454.106**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	**4.591.235.230**	**181.823.044**	**125.702.310**	**148.707.833**	**5.047.468.417**
Tại ngày 31/12/2014	**35.789.165.297**	**2.090.471.115**	**26.837.310**	**148.707.833**	**38.055.181.555**

Ghi chú: (i) Phân loại sang công cụ dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/06/2013 đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30.000.000 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 11.108.197.129 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 7.772.849.098 đồng).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	**17.769.140.000**	**444.126.400**	**18.213.266.400**
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận (ii)	-	(104.036.000)	(104.036.000)
Tại ngày 31/12/2014	**17.769.140.000**	**340.090.400**	**18.109.230.400**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	-	**284.425.131**	**284.425.131**
Khấu hao trong năm	-	109.861.933	109.861.933
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận (ii)	-	(91.696.667)	(91.696.667)
Tại ngày 31/12/2014	-	**302.590.397**	**302.590.397**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	**17.769.140.000**	**159.701.269**	**17.928.841.269**
Tại ngày 31/12/2014	**17.769.140.000**	**37.500.003**	**17.806.640.003**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Nội, quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 29 F Hai Bà Trưng, Hà Nội và quyền sử dụng đất vô thời hạn số 118 Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với giá trị tại ngày 31/12/2014 là 17.769.140.000 đồng (tại ngày 01/01/2014 là 17.769.140.000 đồng).

(ii) Phân loại sang công cụ dụng cụ theo quy định tại Thông tư số 45/TT- BTC ngày 25/04/2014 đối với những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Khu đô thị mới Cầu Giấy	4.453.348.182	4.453.348.182
Mua sắm TSCĐ	82.727.273	-
Chi phí xây dựng nhà 7 tầng	259.222.818	259.222.818
Khảo sát, tư vấn kiến trúc và quy hoạch trường	174.230.760	-
Chi phí XDCB khác	148.831.150	37.053.000
	5.118.360.183	**4.749.624.000**

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		**313.730.600.000**		**313.730.600.000**
Công ty CP Viettronics Đống Đa	1.123.600	11.236.000.000	1.123.600	11.236.000.000
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	6.693.700	66.937.000.000	6.693.700	66.937.000.000
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	1.479.000	14.790.000.000	1.479.000	14.790.000.000
Công ty CP Công nghệ Thông tin Genpacific	2.295.000	22.950.000.000	2.295.000	22.950.000.000
Công ty CP Viettronics Tân Bình	6.654.960	126.660.600.000	6.654.960	126.660.600.000
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	306.000	30.600.000.000	3.060.000	30.600.000.000
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	2.755.700	27.557.000.000	2.755.700	27.557.000.000
Công ty CP Công trình Viettronics	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		**36.487.495.137**		**36.299.695.137**
Đầu tư vào Công ty liên kết				
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	2.142.000	21.420.000.000	2.142.000	21.420.000.000
Công ty CP Viettronimex	108.689	10.868.900.000	108.689	10.868.900.000
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	20.665	2.066.500.000	18.787	1.878.700.000
Công ty CP Máy tính Việt Nam	8.555	855.500.000	8.555	855.500.000
Góp vốn liên danh				
Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec		1.276.595.137		1.276.595.137
Đầu tư dài hạn khác		**10.151.000.000**		**10.151.000.000**
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	524.000	5.240.000.000	524.000	5.240.000.000
Công ty CP Điên tử và Viễn Thông Nghệ An	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Điện tử Hải Phòng	311.100	3.111.000.000	311.100	3.111.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		**(34.495.517.678)**		**(638.297.568)**
		325.873.577.459		**359.542.997.569**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết của Công ty con tại ngày 31/12/2014:

Tên công ty con	Nơi thành lập (Hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty CP Viettronics Đống Đa	Hà Nội	51,07%	51,07%
Công ty CP Điện tử Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	97,01%	97,01%
Công ty CP Điện tử Bình Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP CN Thông tin Genpacific	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Tân Bình	Thành phố Hồ Chí Minh	55,54%	55,54%
Công ty CP Điện tử Biên Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%
Công ty CP Viettronics Công nghiệp	Hà Nội	91,86%	91,86%
Công ty CP Công trình Viettronics		65,00%	65,00%

Thông tin chi tiết của Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31/12/2014:

Tên công ty liên danh, liên kết	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Đầu tư vào công ty liên kết			
Công ty CP Viettronimex	Thành phố Hồ Chí Minh	46,25%	46,25%
Công ty CP Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hoà	Thành phố Hồ Chí Minh	33,77%	33,77%
Công ty CP Máy tính Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	28,50%	28,50%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông VN	Hà Nội	35,70%	35,70%
Góp vốn liên danh			
Công ty LD Điện tử y tế KT cao Amec	Hà Nội	49,00%	49,00%

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2014:

Tên công ty	Nơi thành lập /đăng ký /hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
Công ty Cổ phần Điện tử và Viễn Thông Nghệ An	Thành phố Nghệ An	15,00%	15,00%
Công ty Cổ phần Điện tử Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	12,44%	12,44%
Công ty Bê tông ly tâm Thủ Đức	Thành phố Hồ Chí Minh	6,55%	6,55%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay Ngân hàng TMCP An Bình (i)	12.357.892.526	40.153.824.797
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	35.803.921.581	-
Ngân hàng Đầu tư và phát triển HN SGD III	-	3.100.000.000
	48.161.814.107	**43.253.824.797**

Ghi chú:

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 844/14/TD/HĐHM.II.24 ngày 18/09/2014 với hạn mức 25 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng. Tài sản thế chấp là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Thủy điện An khê Kanak, Tổng Công ty Xây dựng 1 và Công ty Cổ phần Bắc Hà.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng số 01/2014-HĐTD/NHCT136-Viettronics ngày 22/10/2014 với hạn mức là 100 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng. Mục đích vay là thanh toán các hợp đồng đầu vào phục vụ dự án của Tổng Công ty. Tài sản thế chấp hợp đồng vay là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn Tổng Công ty gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	32.380.845.601	38.236.845.253
Công ty Cổ phần YOTEK	26.737.857.074	-
Công ty Cổ phần thiết bị điện - VINACOMIN	5.625.360.000	-
Công ty Cổ phần VTSI	1.198.560.000	199.351.800
Công ty TNHH Chongqing Water Turbine Works	1.367.400.300	1.367.400.300
Các đối tượng khác	2.249.292.173	265.087.888
	69.559.315.148	**40.068.685.241**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ban QLDA các CT xây dựng của Đảng ở Trung Ương	2.773.000.000	-
Công ty Truyền tải Điện 2	4.086.803.846	-
Ban Quản lý Dự án thuỷ điện 7	-	6.331.914.059
Đối tượng khác	51.917.873	-
	6.911.721.719	**6.331.914.059**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 (Trình bày lại) VND
Thuế giá trị gia tăng	-	199.785.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.115.916.048
Thuế thu nhập cá nhân	187.071.104	28.687.583
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.892.825.600	-
	2.079.896.704	**2.344.389.522**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Khoản dự tính phải trả về quyết toán vốn cổ phần (i)	20.352.613.860	20.352.613.860
Phải trả về cổ tức	4.850.493.200	6.487.153.110
Phải trả CBCNV - tiền ứng trước mua đất	1.302.400.000	1.302.400.000
Công ty CP Công trình Viettronics	902.512.848	4.995.435.319
Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	856.800.000	-
Công ty CP Viettronicsc Công nghiệp	757.875.506	757.875.506
Công ty CP Viettronics Đống Đa	150.165.211	150.165.211
Phải trả về cổ phần hoá	160.866.758	90.866.758
Các khoản phí của sinh viên do Trường thu	2.178.025.885	2.947.428.226
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.656.608.000	39.625.129
	35.168.361.268	**37.123.563.119**

Ghi chú: (i) Khoản phải trả về quyết toán vốn cổ phần cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) theo thông báo đến ngày 31/12/2010 của SCIC là 36.545.374.298 đồng. Tuy nhiên, Tổng Công ty mới ghi nhận 20.352.613.860 đồng.

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí	950.995.500	1.771.377.500
Doanh thu ghi nhận trước từ học phí đào tạo chuyên sâu	1.767.842.000	2.196.439.000
Doanh thu ghi nhận trước từ dịch vụ cho thuê ngoài	-	18.000.000
	2.718.837.500	**3.985.816.500**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	**438.000.000.000**	**15.229.584.594**	**5.930.012.198**	**102.689.130.800**	**561.848.727.592**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	35.730.006.816	35.730.006.816
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	2.190.000.000	2.190.000.000	(33.810.000.000)	(29.430.000.000)
Tạm ứng 3% cổ tức từ lợi nhuận 2013	-	-	-	(13.140.000.000)	(13.140.000.000)
Giảm theo Biên bản thanh tra thuế	-	-	-	(1.591.693.625)	(1.591.693.625)
Tăng khác	-	-	-	89.737.924	89.737.924
Giảm lợi nhuận phải thu đơn vị trực thuộc nộp về	-	-	-	(843.284.682)	(843.284.682)
Giảm khác	-	-	-	(3.449.090)	(3.449.090)
Số dư tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)	**438.000.000.000**	**17.419.584.594**	**8.120.012.198**	**89.120.448.144**	**552.660.044.936**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	31.432.782.137	31.432.782.137
Phân phối lợi nhuận 2013 (i)	-	2.190.000.000	2.190.000.000	(7.446.000.000)	(3.066.000.000)
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát (i)	-			(120.000.000)	(120.000.000)
Chi trả cổ tức (i)	-			(15.330.000.000)	(15.330.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2014	**438.000.000.000**	**19.609.584.594**	**10.310.012.198**	**97.657.230.281**	**565.576.827.073**

Ghi chú: (i) Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01 NQ/ĐT-ĐHCĐ ngày 23/06/2014 trong đó:

- Quỹ đầu tư phát triển: 2.190.000.000 đồng
- Quỹ dự phòng tài chính: 2.190.000.000 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.066.000.000 đồng
- Chi thù lao Hội đồng Thành viên và Ban Kiểm soát: 120.000.000 đồng
- Chi trả cổ tức: 15.330.000.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 25/11/2013. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Danh sách cổ đông sáng lập	Vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
	VND	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà nước	385.308.600.000	38.530.860	87,97%
Vốn các cổ đông khác	52.691.400.000	5.269.140	12,03%
	438.000.000.000	**43.800.000**	**100,00%**

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu từ các dự án	128.917.827.929	33.041.365.087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.294.429.742	14.107.867.636
	139.212.257.671	**47.149.232.723**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn từ các dự án	126.362.125.356	32.402.548.064
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.679.980.188	7.249.659.015
	132.042.105.544	**39.652.207.079**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.796.664.115	-
Chi phí nhân công	13.648.587.209	13.725.761.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.051.931.062	1.349.326.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.827.300.094	28.087.133.455
Chi phí khác bằng tiền	11.184.264.263	9.579.783.504
	154.508.746.743	**52.742.005.072**

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi từ hoạt động cho vay	8.019.345.439	6.792.725.946
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.868.396.000	30.657.366.850
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.597.103.354	12.177.485.608
Doanh thu từ chuyển nhượng bán cổ phần	-	4.839.399.082
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.627.976	10.697.021.171
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	50.492.832
	80.499.472.769	**65.214.491.489**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	33.218.922.541	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	179.226.185	10.889.511.556
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.624.141	-
Chi phí lãi vay	254.160.768	1.262.242.796
Chi phí tài chính khác	-	273.156.000
	33.671.933.635	**12.424.910.352**

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác	**5.853.380.309**	**5.840.531.392**
Thu nhập từ việc thu - chi hộ lãi vay	5.184.246.808	5.058.061.891
Thu từ học phí tích lũy học sinh - sinh viên	-	78.345.000
Thu nhập khác	669.133.501	704.124.501
Chi phí khác	**5.778.413.799**	**5.453.393.928**
Chi khác từ việc thu - chi hộ lãi vay	5.184.246.808	5.058.061.891
Chi phí khác	594.166.991	395.332.037
Lợi nhuận khác	**74.966.510**	**387.137.464**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	**31.464.331.937**	**37.929.403.009**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(66.011.804.182)**	**(29.357.173.954)**
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	(65.868.396.000)	(30.657.366.850)
Trừ: Chi phí khấu hao nhanh TSCĐ	(143.408.182)	(225.355.716)
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.525.548.612
Thu nhập chịu thuế	**(34.547.472.245)**	**8.572.229.055**
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**2.143.057.264**

Trong năm, ngoài khoản cổ tức 65.868.396.000 đồng và khoản khấu hao nhanh từ những năm trước, Tổng Công ty chưa xác định lợi nhuận kế toán không có sự chênh lệch đáng kể so với lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản mục sau:

	Năm 2014 VND
Lỗ tính thuế năm 2014 được trừ chuyển lỗ	34.547.472.245
	34.547.472.245

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Tổng Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm hết hạn	Quyết toán thuế	VND
2019	Chưa quyết toán	34.547.472.245

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4).

Tài sản tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014 (Trình bày lại)
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.435.938.453	104.801.609.308
Phải thu khách hàng, phải thu khác	146.045.897.108	108.177.306.421
Các khoản cho vay	60.664.986.309	72.589.770.052
Đầu tư ngắn hạn	1.093.248.000	300.000.000
Đầu tư dài hạn	325.873.577.459	359.542.997.569
Cộng	**656.113.647.329**	**645.411.683.350**
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	48.161.814.107	43.253.824.797
Phải trả người bán, phải trả khác	104.727.676.416	77.192.248.360
Cộng	**152.889.490.523**	**120.446.073.157**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Tổng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Tổng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Tổng Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Tổng Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Tổng Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Tổng Công ty bị tổn thất về tài chính. Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Tổng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tổng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Tổng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Tổng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Tổng Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Tổng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Tổng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.435.938.453	-	122.435.938.453
Phải thu khách hàng, phải thu khác	145.896.260.108	149.637.000	146.045.897.108
Các khoản cho vay	60.664.986.309	-	60.664.986.309
Đầu tư ngắn hạn	1.093.248.000	-	1.093.248.000
Đầu tư dài hạn	-	325.873.577.459	325.873.577.459
Cộng	**330.090.432.870**	**326.023.214.459**	**656.113.647.329**
Tại ngày 31/12/2014			
Vay và nợ	48.161.814.107	-	48.161.814.107
Phải trả người bán, phải trả khác	104.727.676.416	-	104.727.676.416
Cộng	**152.889.490.523**	**-**	**152.889.490.523**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(177.200.942.347)**	**(326.023.214.459)**	**(503.224.156.806)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.801.609.308	-	104.801.609.308
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.177.306.421	-	108.177.306.421
Các khoản cho vay	72.589.770.052	-	72.589.770.052
Đầu tư ngắn hạn	300.000.000	-	300.000.000
Đầu tư dài hạn	-	359.542.997.569	359.542.997.569
Cộng	**285.868.685.781**	**359.542.997.569**	**645.411.683.350**
Tại ngày 01/01/2014 (Trình bày lại)			
Vay và nợ	43.253.824.797	-	43.253.824.797
Phải trả người bán, phải trả khác	77.192.248.360	-	77.192.248.360
Cộng	**120.446.073.157**	**-**	**120.446.073.157**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(165.422.612.624)**	**(359.542.997.569)**	**(524.965.610.193)**

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2013 đã được kiểm toán.

Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm tài chính 2014, cụ thể như sau:

Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2013 (Đã kiểm toán)	01/01/2014 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Các khoản phải thu khác	135	39.931.955.297	42.970.585.297	3.038.630.000	(i)
Hàng tồn kho	141	4.431.887.145	1.638.187.145	(2.793.700.000)	(i)
Thuế GTGT được khấu trừ	152	45.144.109	-	(45.144.109)	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	1.763.216.478	2.344.389.522	581.173.044	(i)
Thuế thu nhập cá nhân		*28.687.583*	*28.687.583*	-	
Thuế GTGT phải nộp		*1.734.528.895*	*1.934.314.786*	*199.785.891*	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	*381.387.153*	*381.387.153*	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	89.501.835.297	89.120.448.144	(381.387.153)	(i)

Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013 (Đã kiểm toán)	Năm 2013 (Trình bày lại)	Chênh lệch	Ghi chú
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.761.670.111	2.143.057.264	381.387.153	(i)
Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	36.111.393.969	35.730.006.816	(381.387.153)	(i)

Ghi chú: (i) Tổng Công ty thực hiện trình bày lại một số số liệu của năm tài chính 2013 theo biên bản kiểm toán nhà nước. Cụ thể nội dung của biên bản như sau :

- Điều chỉnh chi phí liên quan tới khu đất Long An đang theo dõi trên tài khoản 154 chuyển sang theo dõi trên tài khoản 138 là 2.449.300.000 đồng.
- Truy thu khoản thuế GTGT được khấu trừ liên quan đến chi phí khu đất Long An là 244.930.000 đồng.
- Điều chỉnh chi phí liên quan tới dự án Quận 12 đang theo dõi trên tài khoản 154 chuyển sang theo dõi trên tài khoản 138 là 344.400.000 đồng.
- Truy thu thuế TNDN liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi khoản lãi phải thu năm 2013 của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Genpacific là 381.387.153 đồng.

Lưu Hoàng Long	**Nguyễn Trung Dũng**	**Vũ Văn Tuân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2015